KẾ HOẠCH TUẦN 1

Chủ đề: Mưa mùa hè

(Từ Ngày (29/06 - 03/07/2026)

Giáo viên: Cô Ánh

	THỜI GIAN	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
BUỔI SÁNG	6:45 - 7:15	**Đón trẻ/ Trực nhật**				
	7:15 - 7:30	**Thể dục sáng**				
	8:00 - 8:15	**Sinh hoạt vòng tròn đầu ngày/ Điểm Danh** Tiếng chuông tỉnh thức 1				
	8:15 - 8:45	**MTXH** Tìm hiểu về trang phục đi mưa	**Dinh Dưỡng** Làm salad rau gia vị đa dạng	**Công nghệ** Vòng đời của nước	**HĐ với nước** Nút thắc buộc chân P2	**Tiếng Việt** Làm quen chữ n
	8:45 - 9:00	**Uống sữa hoặc bổ sung trái cây**				
	9:00- 9:30	**Language & Expression** **Summer Rain** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Song** **Rainy Day** Train, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Life skills** **Why is rain important?** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**STEAM** **Which Material Keeps Us Dry?** rain, wet, dry, paper, plastic, cotton	**Review** **Review all the learned content**
	9:30 - 10:00	**Playtime Activity 1** **Summer Rain** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Playtime Activity 2** **Rainy Day** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Playtime Activity 3** **On rainy days** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Playtime Activity 4** **Which Material Keeps Us Dry?** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Playtime Activity 5** **Review all the learned content** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow
	10:00 -10:30	**Số học** Ôn tập tách gộp trong phạm vi 8	**Toán - Logic** Xếp theo mẫu hình tròn, hình tam giác	**LTNN** Nhường bạn khi bạn muốn chơi đồ mình đang chơi	**Hình học** Nhận biết khối Kim tự tháp	**Thuyết trình** Lợi ích của mưa
	10:45 -11:45	**Vệ sinh chuẩn bị giờ ăn - Ăn trưa - Vệ sinh chuẩn bị giờ ngủ**				
	11:45 -13:45	**Ngủ trưa**				
	13:45 -14:30	**Ăn Xế - Vận động theo nhạc - Vệ sinh cá nhân - Thay quần áo**				
BUỔI CHIỀU	14:30 - 15:00	**Language & Expression** **Summer Rain** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**Story** **Where Does Kitty Go In The Rain?** rain, wet, dry, cloud, cat, duck, bird, sun, hide, look	**Life skills** **On rainy days** rain, rainy, umbrella, raincoat, rainboots, rainbow	**STEAM** **Which Material Keeps Us Dry?** rain, wet, dry, paper, plastic, doll	**Review** **Show and tell**
	15:00 - 15:30	**Vận động tinh** Gài nút nhỏ vào khung	**Rèn luyện thể chất** Chạy vượt qua vật cản	**HĐ với nước** Nút thắt buộc chân	**Thủ công** Làm cây dù cố định	**Âm nhạc** Action Song
	15:30- 16:00	**Điêu khắc** Khắc họa tiết chiếc lá Môn	**Nặn** Nặn chiếc lá Môn	**Kỹ năng sống** Biết xử lý khi bị ngã	**Võ Nhạc** Phối hợp đòn đở trung đẳng với đăng sơn	**Sinh Hoạt cuối tuần**
	16:00- 16:30	**Trực nhật/ sắp xếp lớp học/ Sinh hoạt vòng tròn**				
	16:30 - 17:00	**Thủ tục chia tay cuối ngày / Trả trẻ / Học ngoài giờ**				